TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 6 năm 2017.
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Sùng Thị Mai
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Hoàng Văn Đọ
2. Ông: Đoàn Hùng Tự
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Yến - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử dân sự Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89 /2019/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lý Thị V – Sinh năm: 1973;
Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.
(*Có đơn xin xét xử vắng mặt).*
2. *Bị đơn*: Anh Ma Văn C - Sinh năm: 1966;
Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2019 và bản tự khai ngày 26/4/2019 nguyên đơn chị Lý Thị V trình bày: Chị và anh Cchung sống với nhau từ những năm 1988 do hai bên tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức ăn hỏi và cưới xin theo phong tục tập quán, vợ chồng chung sống cùng nhau, cuộc sống gia đình hòa thuận hạnh phúc, nuôi dậy con cái. Đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng cùng đi làm ăn xa, bản thân anh C thiếu chung thủy với vợ, hay rượu chè về chửi mắng xúc phạm danh dự của chị, dần dần từ mâu thuẫn nhỏ đến mâu thuẫn lớn không thể giàn xếp được, chị và anh không ai chịu nhường nhịn, bản thân chị không được anh C và các con quan tâm, thiếu trách nhiệm với vợ, mẹ. không thông cảm chia sẻ với chị trong công việc buôn bán làm ăn, đã nhiều lần chị nhẫn nhịn để hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng giữa anh C

và các con lại càng thậm tệ hơn, do vậy chị và anh đã ly thân , chị tự làm một ngôi nhà nhỏ sống riêng, nhưng vẫn bị anh Cvà các con đến gây sự. Chị xét thấy cuộc sống như vậy không thể yên ấm với chị được. Do vậy chị V thấy tình cảm không còn, chị có đơn xin ly hôn với anh C.
- Về con chung: Có 04 con chung: các cháu đều đã lớn và trưởng thành có gia đình riêng chị không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung, công nợ chung: Theo đơn khởi kiện chị V có yêu cầu chia tài sản chung, nay chị V xét thấy không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị đã có đơn xin rút phần chia tài sản.
* Bị đơn anh Ma Văn C trình bày: Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1988 , không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng cùng đi buôn bán làm ăn , bản thân chị thiếu chung thủy với chồng con và gia đình, có quan hệ với người đàn ông khác, từ đó tình cảm vợ chồng nhạt nhẽo mỗi người sống một nhà, không ai quan tâm chăm sóc đến ai, vợ chồng không đi lại quan hệ với nhau nữa. Nay chị V có đơn xin ly hôn, do anh C và chị V cưới xin theo phong tục không có đăng ký kết hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị V đúng theo quy định của pháp luật.
- Về con chung: anh và chị V có 4 con chung như chị V trình bầy là đúng, hiện nay các cháu đã trưởng thành và đều có gia đình riêng, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về Tài sản chung, công nợ chung: không đề nghị giải quyết.
Quá trình giải quyết về con cái và tài sản chung, công nợ chung anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết, Tòa án không tiến hành việc hòa giải con cái và tài sản chung, công nợ chung .
Tại phiên tòa các đương sự có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân theo đúng quy định của pháp luật.
Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CUẢ TÒA ÁN:

[1] *Về Tố tụng:*
Tại phiên tòa chị Lý Thị V và anh Ma Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc nguyên đơn chị V và bị đơn anh Ccó đơn xin xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 238 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.
[2] *Về Nội dung*:
Chị Lý Thị V và anh Ma Văn C cùng thừa nhận quan hệ vợ chồng của anh chị được xây dựng trên cơ sở do tự nguyện, tổ chức cưới xin theo phong tục từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2010 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do

anh chị cùng đi làm ăn buôn bán tại các phiên chợ, ít có thời gian chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng luôn sảy ra mâu thuẫn, anh chị không có sự tin tưởng, thương yêu nhau, thường xuyên sảy ra cãi chửi nhau dẫn đến xúc phạm danh dự của nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt anh chị đã sống ly thân được 3 năm nay, không ai hỏi thăm chăm sóc đến ai, cho đến nay không đi lại quan hệ với nhau nữa, để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của mỗi người, chị V và anh C cùng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật

Hội đồng xét xử xét thấy việc chị V và anh Cchung sống với nhau từ năm 1988 đến năm 2010 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình là thuộc trường hợp có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa chị V anh C đều xác nhận anh chị chung sống với nhau đến năm 2013 thì sống ly thân,

Như vậy quan hệ hôn nhân của chị V và anh C là không hợp pháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị V tuyên xử không công nhận chị Lý Thị V và anh Ma Văn C là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Anh chị cùng xác nhận các cháu đã lớn và trưởng thành có gia đình riêng, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị V có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lý Thị V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị V về việc xin ly hôn với anh Ma Văn C

2. Tuyên bố không công nhận chị Lý Thị V và anh Ma Văn C là quan hệ vợ chồng.

3. Về con chung: các cháu đã lớn và trưởng thành có gia đình riêng, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về tài sản chung, công nợ chung : Không đề nghị giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lý Thị V phải chịu 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền chị V đã nộp tại Chi cục

Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 01195 ngày 23/4/2019.

Hoàn trả lại số tiền 5.950.000đ(*Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) dự phí chêch lệch cho chị Lý Thị V

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hánh án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm ly hôn báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND TPH;
- TAND tỉnh;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- C.C THA TP;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

Sùng Thị Mai

Các hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Đức Ngọc + Nguyễn Văn Biện	**Ma Thị Nghị**